

STAR EDUCATION
THI THỬ TUYỂN SINH 10
PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU

Môn thi: NGŨ VĂN (không chuyên)

Ngày thi: 14/03/2026

Thời gian làm bài: 100 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:

CHUYỆN CON CÁ RỒNG

Hồ Việt Khuê

(Lược đoạn đầu: Quán Hương Giang là điểm hẹn của những người nhập cư lâu năm tìm lại hương vị quê nhà. Mỗi sáng mát, họ ngồi kín ngoài hiên, uống cà phê và tán gẫu về tin tức, nhất là chuyện ở quê cũ. Có người vừa về thăm quê, mang thêm chuyện mới để bàn luận. Họ gặp gỡ, ăn những món quen thuộc như bánh mì, cơm tấm, phở. Buổi chiều gió thổi qua đường phố rộng, khách rút vào trong quán, giữa không khí trầm lắng, man mác buồn.)

Đời sống của những người nhập cư về già ở đây thanh bình, nhàn tản trôi đi chậm chạp; chỉ thỉnh thoảng khuấy động bởi một đám cưới hay một đám tiễn biệt người qua đời.

Ông bà chủ quán Hương Giang có một đứa cháu ngoại sáu tuổi, cháu trai, cháu và mẹ ở chung với ông bà.

Cha cháu là dân bản xứ làm việc xa nhà non ngàn cây số, hàng tháng trời mới về thăm vợ con một lần. Thằng bé mang hai dòng máu, gần gũi với ông bà và những người cùng màu da, tiếng nói nên nó nói rất sôi tiếng mẹ đẻ.

Ngoài lúc phải đến trường học, nó có rất nhiều thời gian ở quán Hương Giang, ngồi bên ông ngoại nó nơi quầy thu ngân, hí hoáy với trò chơi trên cái iPad.

Chủ quán Hương Giang xấp xỉ bảy mươi, gương mặt khắc khổ, thùng thình trong chiếc áo lạnh quá khổ không che giấu được vóc dáng gầy còm.

Mỗi sáng, ông rời nhà rất sớm, đến quán bật lò hầm nồi xương nấu nước lèo; rồi vợ, mẹ thằng bé và nhân viên phục vụ mới đến chuẩn bị đón khách. Sau đó, việc chính của ông là thu tiền và phân loại giấy bạc, tiền xu cho vào các ô riêng.

Lúc vắng khách, ông chỉ cho thằng bé xem tranh ảnh, những tranh ảnh đồng lúa chín vàng, con sông có chiếc thuyền lững lờ, con bò gặm cỏ bờ đê, đàn gà bơi gốc chuối, mái chùa cong cong... mà ông lấy trên mạng Internet.

Ông muốn trong trí óc trẻ thơ của cháu có chút khái niệm về cội rễ của nó. Thằng bé thích thú lắm, liền thoảng hỏi luôn miệng. Mấy hôm rày ông còn nợ thằng bé một câu hỏi.

Đó là chuyện con cá Rồng. Năm năm trước, ông mua về nuôi lúc con cá mới bằng ngón tay cái, dài hơn một tấc.

Cá nhỏ cỡ đó mà nuôi trong lồng kính chữ nhật dài tám tấc, ngang bốn tấc thì cả đàn cá bơi lội cũng còn thoải mái huống chi chỉ có một con. Nhưng nó mau lớn quá, mà cũng phải thôi vì nó ăn toàn thịt heo thịt bò, dù là thịt vớt ra từ các tô phở của khách bỏ lại.

Mãi khi thằng bé chỉ tay vào con Ròng, nói: "Nó dài như vậy, to như vậy mà cái chuồng kính nhỏ như vậy thì làm sao đủ không khí cho nó thở, làm sao cho nó bơi đi chơi được?".

Lúc này, ông mới để ý thấy con Ròng chỉ đứng yên hay nhúc tới nhích lui chớ nó không quay đầu lại được nữa, dù các vảy và đuôi vẫn phe phẩy không ngừng.

Trời bỗng nổi gió dữ dội. Ở vùng này, thỉnh thoảng có những đêm gió gào rú mãnh liệt, càn quét trên những mái nhà, vòm cây, chạy dài suốt con đường.

Đầu đêm, bên chiếc bàn ăn trong căn nhà cách quán nửa giờ lái xe là thời khắc ảm cúng nhất của vợ chồng chủ quán Hương Giang sau một ngày tất bật, nhưng đêm nay, hai vợ chồng to tiếng với nhau.

Người vợ đòi dẹp cái lồng kính, bán con Ròng cho tiệm cá kiểng vừa được tiền vừa thừa chỗ đặt thêm bàn ghế cho khách, khi ông đề nghị sắm cái lồng kính to hơn. Người vợ giận dữ đã lên giường sớm, người chồng ngồi lặng lẽ đến tận khuya chỉ để nghe tiếng gió hú.

"Báo cáo! Cho xin chút gió". Nhiều lần trong một buổi trưa, đám người ở trần quần đùi lại la to như vậy.

Phòng chật, mái lợp tôn, trần thấp, chỉ chứa một ô thông gió nhỏ lại nhốt mấy chục người trong đó nên canh trưa, khí nóng từ mái tôn dội xuống, cộng với hơi người bốc lên làm thiếu không khí để thở khiến nhiều người bị ngất xỉu.

Chủ quán Hương Giang ngày đó tưởng chừng đã mất mạng nếu không được cấp cứu kịp thời.

Con Ròng nhúc tới nhích lui, quạt vảy quạt đuôi không ngừng chắc là đang thở hắt hắt.

Lẽ nào ông phản bội lại những bài học về tình yêu thiên nhiên, vật nuôi mà ông cố gắng truyền đạt cho đứa cháu thiếu quê hương qua những hình ảnh sinh động hiền hòa.

Ông mừng tượng ánh mắt hân hoan của thằng cháu khi nhìn con cá Ròng lượn lờ thoải mái...

(Báo Tuổi Trẻ, 12/11/2017)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Câu 1 (0,5 điểm). Chi tiết những người già “xế chiều lại trở lại quán” có thể được hiểu như biểu hiện của:

- A. Sự lệ thuộc vào quán ăn
- B. Nhu cầu được chia sẻ căn tính và ký ức tập thể
- C. Sự rảnh rỗi vô nghĩa
- D. Thói quen khó bỏ

Câu 2 (0,5 điểm). Việc ông muốn truyền cho cháu “khái niệm về cội rễ” nhưng lại nuôi cá trong không gian chật hẹp cho thấy:

- A. Sự giằng co giữa lý tưởng đạo đức và hoàn cảnh sống thực tế
- B. Ông thiếu hiểu biết
- C. Ông mâu thuẫn với cháu
- D. Ông không yêu thương động vật

Câu 3 (0,5 điểm). Nhân vật đứa cháu giữ vai trò gì trong cấu trúc tư tưởng truyện?

- A. Là trung tâm xung đột kịch tính
- B. Đại diện cho thế hệ nhập cư cũ
- C. Tác nhân đánh thức lương tri và suy tư đạo đức
- D. Nhân vật kể chuyện

Câu 4 (0,5 điểm). Kết thúc mở của đoạn truyện có tác dụng gì?

- A. Gây tò mò về cốt truyện
- B. Tạo kịch tính cao trào
- C. Chuẩn bị cho biến cố lớn
- D. Mở ra suy ngẫm về lựa chọn đạo đức của con người

Câu 5 (0,5 điểm). Thủ pháp nghệ thuật nổi bật trong xây dựng hình tượng cá Rồng là:

- A. Ẩn dụ và liên tưởng biểu tượng
- B. So sánh
- C. Phóng đại
- D. Nhân hóa

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 6 (0,75 điểm). Anh/chị hãy phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cá Rồng trong tác phẩm.

Câu 7 (0,75 điểm). Anh/chị hãy đánh giá, nhận xét về sự mâu thuẫn giữa hành động giáo dục cháu về cội nguồn và việc nuôi cá trong không gian chật hẹp của người ông.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) – Viết đoạn văn nghị luận văn học:

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nội dung chủ đề hoặc một số yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc của văn bản *Chuyện con cá Rồng* (Hồ Việt Khuê). Qua đó, trình bày tác động của nội dung chủ đề hoặc một số yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc của văn bản *Chuyện con cá Rồng* (Hồ Việt Khuê) đối với nhận thức, suy nghĩ độc giả.

Câu 2 (4,0 điểm) – Viết bài văn nghị luận xã hội:

Thí sinh được chọn và thực hiện một trong hai đề bài sau:

Đề 1:

Từ hình ảnh con cá Rồng bị nuôi trong chiếc hồ kính chật hẹp, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về khát vọng tự do của con người trong cuộc sống hiện đại. Trong một thế giới ngày càng tiện nghi nhưng cũng nhiều áp lực và ràng buộc vô hình, con người cần làm gì để không đánh mất không gian sống tinh thần của mình?

Đề 2:

Trong tác phẩm, ông cố gắng truyền cho cháu hình ảnh về quê hương và cội nguồn. Từ đó, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận về ý nghĩa của việc giữ gìn bản sắc và cội nguồn trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Theo anh/chị, thế hệ trẻ hôm nay cần làm gì để vừa hòa nhập với thế giới vừa không đánh mất giá trị văn hóa của mình?

_____ **HẾT** _____

Thí sinh không được kí hiệu riêng và sử dụng tài liệu trong quá trình làm bài.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

(Đề thi gồm 04 trang)

STAR EDUCATION
THI THỬ TUYỂN SINH 10
PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU

Môn thi: NGŨ VĂN (không chuyên)
Ngày thi: 14/03/2026
Thời gian làm bài: 100 phút, không kể thời gian phát đề

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Văn bản: *Chuyện con cá Rồng* – Hồ Việt Khuê

PHẦN TRẮC NGHIỆM

<i>Câu</i>	1	2	3	4	5
<i>Đáp án</i>	B	A	C	D	A
Mỗi câu trả lời đúng: 0,5 điểm					

PHẦN TỰ LUẬN

Lưu ý: Chấp nhận những nội dung phù hợp, thuyết phục nằm ngoài đáp án. Giám khảo căn cứ vào chất lượng bài làm của thí sinh để cho điểm.

Câu 6 (0,75 điểm)

Hình ảnh con cá Rồng là biểu tượng giàu ý nghĩa:

- *Tượng trưng cho khát vọng tự do và nhu cầu được sống đúng với bản tính tự nhiên:* Từ một con cá nhỏ, nó lớn nhanh đến mức chiếc lồng kính không còn đủ chỗ để quay đầu, gợi liên tưởng đến những ước mơ và nhu cầu tinh thần của con người khi bị giam hãm trong những giới hạn chật hẹp.
- *Ẩn dụ cho thân phận con người nhập cư:* sống trong điều kiện vật chất tạm ổn nhưng thiếu “không khí” của quê hương, thiếu không gian tinh thần rộng mở.

=> Tác phẩm đặt ra vấn đề về tự do, nhân ái và trách nhiệm đạo đức.

Câu 7 (0,75 điểm)

- Sự mâu thuẫn giữa việc ông dạy cháu về cội nguồn, về tình yêu thiên nhiên với hành động nuôi cá trong không gian chật hẹp cho thấy sự giằng co giữa lý tưởng và thực tế.
- Ông muốn truyền cho cháu những giá trị nhân văn, nhưng lại vô tình tước đi không gian sống tự nhiên của con vật. Mâu thuẫn ấy phản ánh một nghịch lý phổ biến: con người nhiều khi ý thức được điều đúng đắn nhưng chưa đủ dũng cảm hoặc điều kiện để thực hiện trọn vẹn.
- Chính sự tự vấn lương tri của ông đã làm nổi bật chiều sâu nhân bản của tác phẩm.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) – Đoạn văn nghị luận văn học (khoảng 200 chữ)

a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn (0,25 điểm):

Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp hoặc song song.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Thí sinh được chọn một trong hai hướng theo yêu cầu đề:

- Hướng 1: Nội dung chủ đề của văn bản *Chuyện con cá Ròng* (Hồ Việt Khuê). Qua đó, trình bày tác động của nội dung chủ đề đối với nhận thức, suy nghĩ độc giả.

- Hướng 2: Một số yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc của văn bản *Chuyện con cá Ròng* (Hồ Việt Khuê). Qua đó, trình bày tác động của một số yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc đối với nhận thức, suy nghĩ độc giả.

c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

- Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng; xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý:

Lưu ý: Chấp nhận những nội dung phù hợp, thuyết phục nằm ngoài đáp án. Giám khảo căn cứ vào chất lượng bài làm của thí sinh để cho điểm.

- Hướng 1: *Phân tích nội dung chủ đề và trình bày giá trị của chủ đề (1,0 điểm)*

1.1. Nội dung chủ đề (0,25 điểm): Khát vọng tự do và sự tự vấn lương tri của con người trước trách nhiệm đạo đức. Đồng thời phản ánh:

+ Sự giằng co giữa lý tưởng nhân văn và hoàn cảnh thực tế.

+ Nỗi trăn trở về cội nguồn và căn tính của người nhập cư nơi đất khách.

=> Chủ đề trung tâm: Con người cần thống nhất giữa nhận thức đạo đức và hành động thực tế, tôn trọng quyền sống tự nhiên của muôn loài cũng như không gian tinh thần của chính mình.

1.2. Căn cứ xác định nội dung chủ đề (0,5 điểm):

- Căn cứ từ hình tượng cá Ròng:

+ Cá lớn nhanh, vượt khỏi kích thước bể kính.

+ “Không quay đầu lại được nữa” => biểu hiện sự tù túng.

+ “Nhúc tới nhích lui”, “quạt vi quạt đuôi không ngừng” => gợi cảm giác ngột ngạt, thiếu không khí.

=> Cá Ròng trở thành biểu tượng cho sinh thể bị giam hãm.

- Căn cứ từ tình huống truyện:

+ Đứa cháu đặt câu hỏi: “Làm sao đủ không khí cho nó thở?” => Câu hỏi ngây thơ nhưng đánh thức lương tri người ông.

+ Mâu thuẫn vợ chồng: Vợ muốn bán cá >< Chồng muốn mua bể lớn hơn => Tình huống đặt nhân vật trước lựa chọn đạo đức.

- Căn cứ từ hồi ức quá khứ:

+ Người ông từng bị nhốt trong căn phòng chật, thiếu không khí.

+ Tiếng kêu: “Cho xin chút gió”.

=> Liên hệ trực tiếp với hình ảnh cá đang “thở hổn hển”.

=> Sự tương ứng này làm nổi bật chủ đề tự do và nhân tính.

1.3. Giá trị của chủ đề (0,25 điểm):

- Gợi suy ngẫm sâu sắc về:

+ Tự do – nhu cầu thiết yếu của mọi sinh thể.

+ Sự thống nhất giữa lời nói và hành động.

- Mang ý nghĩa nhân văn:

+ Thức tỉnh lòng trắc ẩn.

+ Nhắc nhở con người sống có trách nhiệm đạo đức.

- Có giá trị thời sự trong xã hội hiện đại đầy “lòng kính vô hình”.

- Hướng 2: *Phân tích một nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và trình bày hiệu quả thẩm mỹ của nó (1,0 điểm)*

2.1. Nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (0,5 điểm):

- Xây dựng hình tượng mang tính biểu tượng:

+ Cá Rồng không chỉ là một vật nuôi.

+ Được khắc họa qua: quá trình lớn lên; sự chật hẹp của bể kính; trạng thái “không quay đầu lại được”.

+ Liên hệ song song: quá khứ ngọt ngào của người ông; đời sống tinh thần của người nhập cư.

=> Hình tượng giàu tính ẩn dụ và liên tưởng.

- Kết thúc mở, mở ra nhiều khả năng diễn giải.

2.2. Hiệu quả thẩm mỹ của nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (0,5 điểm):

+ Tăng chiều sâu tư tưởng cho tác phẩm.

+ Tạo dư âm, khiến người đọc tiếp tục suy nghĩ sau khi văn bản khép lại.

+ Gợi cảm xúc day dứt, trăn trở.

+ Làm cho câu chuyện nhỏ về một con cá trở thành vấn đề nhân sinh rộng lớn.

+ Thể hiện phong cách viết tinh tế, nhẹ nhàng mà giàu sức ám ảnh.

d. Diễn đạt (0,25 điểm):

Đảm bảo chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu trong đoạn văn.

e. Sáng tạo (0,25 điểm):

- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.
- Có cách diễn đạt mới mẻ, giàu cảm xúc.

Câu 2 (4,0 điểm) – Bài văn nghị luận xã hội

Đề 1:

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0,25 điểm):

Có đầy đủ các phần: mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Từ hình ảnh con cá Rồng bị nuôi trong chiếc hồ kính chật hẹp, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về khát vọng tự do của con người trong cuộc sống hiện đại. Trong một thế giới ngày càng tiện nghi nhưng cũng nhiều áp lực và ràng buộc vô hình, con người cần làm gì để không đánh mất không gian sống tinh thần của mình?

c. Viết được một bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu (2,5 điểm):

Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; trình bày được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; bằng chứng đa dạng, phù hợp, tiêu biểu, thuyết phục; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

Thân bài:

Giải thích vấn đề nghị luận:

- Giải thích khát vọng tự do: là mong muốn được sống đúng với suy nghĩ, năng lực và ước mơ của bản thân; được lựa chọn con đường phát triển phù hợp mà không bị áp đặt hay chi phối quá mức. Tự do không đồng nghĩa với buông thả hay sống vô trách nhiệm, mà là khả năng làm chủ cuộc đời trong khuôn khổ đạo đức và pháp luật. Khi có tự do tinh thần, con người cảm thấy được tôn trọng, được khẳng định giá trị cá nhân và có động lực phát triển bền vững.
- Ý nghĩa biểu tượng của “hồ kính chật hẹp”: Chiếc hồ kính trong câu chuyện không chỉ là không gian vật lý, mà còn tượng trưng cho những giới hạn vô hình trong đời sống hiện đại. Đó có thể là áp lực thành tích, sự kỳ vọng quá mức của gia đình, sự cạnh tranh khốc liệt trong học tập và công việc, hay thậm chí là những chuẩn mực xã hội khắt khe. Bề ngoài, con người có vẻ ổn định và an toàn, nhưng bên trong lại bị giam hãm, thiếu cơ hội bộc lộ trọn vẹn tiềm năng của mình.

Bàn luận, thể hiện được suy nghĩ của người viết:

Dưới đây là một hướng làm bài:

- **Thực trạng:** Trong xã hội ngày nay, nhiều người trẻ sống trong áp lực thi cử, bằng cấp và thành công vật chất. Họ học ngành mình không yêu thích, làm công việc chỉ để đáp ứng kỳ vọng của gia đình hoặc để “bằng bạn bằng bè”. Bên cạnh đó, mạng xã hội khiến con người thường xuyên so sánh bản thân với người khác, từ đó nảy sinh tâm lý tự ti hoặc chạy theo những giá trị hào nhoáng. Tất cả tạo nên một “chiếc hồ kính” vô hình giam hãm tự do cá nhân.
- **Nguyên nhân:** Sự thiếu tự do tinh thần bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Trước hết là áp lực xã hội ngày càng lớn khi thành công thường được đo bằng tiền bạc và địa vị. Bên cạnh đó, một bộ phận người trẻ thiếu bản lĩnh và chưa xác định rõ mục tiêu sống, dễ bị chi phối bởi ý kiến xung quanh. Gia đình đôi khi áp đặt ước mơ của mình lên con cái mà không lắng nghe mong muốn thực sự của các em. Những yếu tố này khiến con người dần đánh mất khả năng tự quyết.
- **Hậu quả:** Khi không có tự do tinh thần, con người dễ rơi vào trạng thái mệt mỏi, căng thẳng và mất phương hướng. Họ có thể đạt được thành công bề ngoài nhưng bên trong lại trống rỗng, thiếu niềm vui sống. Lâu dài, sự kìm nén ước mơ và cảm xúc có thể làm giảm khả năng sáng tạo, khiến cá nhân đánh mất bản sắc riêng. Giống như con cá không thể quay đầu trong bể kính, con người bị giới hạn sẽ khó phát triển toàn diện và khó tìm thấy hạnh phúc thực sự.

Giải pháp (về nhận thức và hành động):

Thí sinh cần trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục dựa trên những nội dung nghị luận.

- **Về nhận thức:** Trước hết, mỗi người cần nhận thức rằng tự do tinh thần là điều kiện quan trọng để phát triển bền vững. Không nên đồng nhất giá trị bản thân với thành tích hay sự công nhận từ người khác. Cần hiểu rằng mỗi cá nhân có khả năng và tốc độ phát triển riêng, không nên so sánh một cách cực đoan. Khi xác định rõ mục tiêu sống và giá trị cốt lõi của mình, con người sẽ có nền tảng vững chắc để chống lại những áp lực và định kiến xã hội.
- **Về hành động:** Mỗi người cần hành động cụ thể để bảo vệ tự do của mình. Đó là biết cân bằng giữa học tập, công việc và nghỉ ngơi; dám lựa chọn con đường phù hợp với năng lực và đam mê; rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc để không bị cuốn theo áp lực tiêu cực. Đồng thời, cần hạn chế lệ thuộc vào mạng xã hội và xây dựng lối sống lành mạnh. Khi chủ động tạo ra “không gian” cho bản thân, ta sẽ không còn bị giam hãm trong chiếc hồ kính vô hình.

Kết bài: Khái quát vấn đề bàn luận và rút ra bài học cho bản thân.

Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

d. Diễn đạt (0,5 điểm):

Đảm bảo chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu trong văn bản.

e. Sáng tạo (0,5 điểm):

- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.
- Có cách diễn đạt mới mẻ, giàu cảm xúc.

Đề 2:

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (0,25 điểm):

Có đầy đủ các phần: mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Trong tác phẩm, ông cố gắng truyền cho cháu hình ảnh về quê hương và cội nguồn. Từ đó, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận về ý nghĩa của việc giữ gìn bản sắc và cội nguồn trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Theo anh/chị, thế hệ trẻ hôm nay cần làm gì để vừa hòa nhập với thế giới vừa không đánh mất giá trị văn hóa của mình?

c. Viết được một bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu (2,5 điểm):

Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; trình bày được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; bằng chứng đa dạng, phù hợp, tiêu biểu, thuyết phục; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

Thân bài:

Giải thích vấn đề nghị luận:

- Bản sắc và cội nguồn: là những giá trị đặc trưng, bền vững tạo nên diện mạo riêng của một quốc gia, bao gồm ngôn ngữ, phong tục tập quán, truyền thống lịch sử, lối sống và hệ giá trị tinh thần. Cội nguồn là nguồn gốc hình thành của mỗi con người và cộng đồng, gắn với quê hương, tổ tiên, truyền thống gia đình và dân tộc. Giữ gìn bản sắc và cội nguồn nghĩa là trân trọng, bảo tồn và phát huy những giá trị ấy trong đời sống hiện đại, không để chúng bị mai một hay biến mất trước làn sóng văn hóa ngoại lai.
- Hội nhập toàn cầu: là quá trình các quốc gia mở rộng giao lưu, hợp tác về kinh tế, văn hóa, giáo dục và công nghệ. Quá trình này tạo ra nhiều cơ hội phát triển, giúp con người tiếp cận tri thức và nền văn minh đa dạng.

Bàn luận, thể hiện được suy nghĩ của người viết:

Dưới đây là một hướng làm bài:

- Ý nghĩa của việc giữ gìn bản sắc dân tộc: Giữ gìn bản sắc giúp con người có điểm tựa tinh thần vững chắc giữa dòng chảy biến động của thời đại. Khi hiểu rõ nguồn gốc và truyền thống của mình, mỗi cá nhân sẽ có ý thức tự hào và trách nhiệm hơn với cộng đồng. Bản sắc còn tạo nên sức mạnh mềm của quốc gia, giúp dân tộc khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Một đất nước có bản sắc riêng sẽ không bị hòa lẫn, mà ngược lại, còn đóng góp những giá trị độc đáo vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại.

- Hệ quả nếu đánh mất cội nguồn: Nếu thế hệ trẻ thờ ơ với truyền thống, xã hội sẽ dần mất đi những giá trị nền tảng như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Cá nhân không hiểu về lịch sử và văn hóa dân tộc sẽ dễ rơi vào tình trạng mất phương hướng, thiếu bản lĩnh trước những trào lưu mới. Khi đó, hội nhập không còn là cơ hội phát triển mà trở thành quá trình tự đánh mất mình. Một dân tộc quên cội nguồn sẽ khó có thể phát triển bền vững.
- Hội nhập toàn cầu không đồng nghĩa với việc phủ nhận giá trị truyền thống. Trái lại, khi có nền tảng văn hóa vững chắc, con người càng tự tin tiếp nhận tinh hoa nhân loại một cách chọn lọc. Việc học ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ hiện đại hay giao lưu quốc tế sẽ trở nên ý nghĩa hơn nếu ta vẫn giữ được tiếng mẹ đẻ, phong tục và lối sống nhân văn của dân tộc. Chỉ khi biết mình là ai, ta mới có thể bước ra thế giới với tư thế bình đẳng và tự tin.

Giải pháp (về nhận thức và hành động):

Thí sinh cần trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục dựa trên những nội dung nghị luận.

- Về nhận thức: Thế hệ trẻ cần hiểu rằng bản sắc dân tộc không phải là điều cũ kỹ hay lạc hậu, mà là kết tinh của lịch sử và trí tuệ bao đời. Cần nhận ra rằng việc giữ gìn văn hóa không mâu thuẫn với hiện đại hóa. Khi có ý thức tự hào và trân trọng truyền thống, người trẻ sẽ chủ động tìm hiểu về lịch sử, phong tục, văn học và nghệ thuật dân tộc. Nhận thức đúng là nền tảng để hình thành hành động đúng đắn và bền vững.
- Về hành động: Thế hệ trẻ có thể giữ gìn bản sắc bằng những việc làm thiết thực như sử dụng và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống, tìm hiểu lịch sử dân tộc, tôn trọng phong tục gia đình. Đồng thời, khi tiếp cận văn hóa nước ngoài, cần có thái độ chọn lọc, không chạy theo trào lưu thiếu phù hợp. Bên cạnh đó, người trẻ có thể quảng bá văn hóa Việt Nam qua mạng xã hội và giao lưu quốc tế, góp phần lan tỏa giá trị dân tộc ra thế giới.

Kết bài: Khái quát vấn đề bàn luận và rút ra bài học cho bản thân.

Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.

d. Diễn đạt (0,5 điểm):

Đảm bảo chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu trong văn bản.

e. Sáng tạo (0,5 điểm):

- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.
- Có cách diễn đạt mới mẻ, giàu cảm xúc.